Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

DVET

drd

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
BÌNH ĐẲNG VÀ HÒA NHẬP
NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Năm 2021

1. Các khái niệm

1.1. Khái niệm khuyết tật

Cho đến nay định nghĩa về khuyết tật vẫn còn khá nhiều tranh luận do xuất phát từ sự đa dạng của khuyết tật, sự phức tạp của mức độ khuyết tật, cũng như sự khác biệt về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị của mỗi quốc gia. Chính vì sự đa dạng và khác biệt này nên khái niệm khuyết tật khó có được một định nghĩa thống nhất.

Các tổ chức trên thế giới đưa ra các định nghĩa khuyết tật khác nhau, trong đó Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra cách phân biệt về khiếm khuyết, suy giảm chức năng và tàn tật như sau:

Khiếm khuyết: Sự mất mát, thiếu hụt hoặc bất thường về cấu trúc giải phẫu, tâm lý, sinh lý hoặc chức năng do bệnh hoặc các nguyên nhân khác gây nên. Phần lớn các bệnh thường để lại một vài khiếm khuyết vĩnh viễn hoặc tạm thời. Ví dụ như một thanh niên bị cụt chân do tai nạn lao động thì cụt chân được xem là một bất thường về giải phẫu.

Suy giảm chức năng (hay còn được gọi là khuyết tật): Bất kỳ sự hạn chế hoặc mất khả năng thực hiện một hay nhiều hoạt động do khiếm khuyết gây ra. Hoạt động chức năng cơ thể được phân làm 3 mức độ bao gồm: (1) từng phần cơ thể (cơ quan hoặc mô); (2) toàn bộ cơ thể (mức độ cá nhân bao gồm tuổi tác, giới tính, lối sống, kinh nghiệm, …); (3) xã hội (đặt trong mối liên quan giữa cơ thể và môi trường). Vì vậy suy giảm chức năng liên quan đến rối loạn hoạt động chức năng ở một hoặc nhiều hơn một mức độ trong các mức độ này. Nó bao gồm cả khiếm khuyết và thêm sự giới hạn hoạt động và hạn chế sự tham gia. Ví dụ việc bị cụt chân gây nên hạn chế chức năng đi lại, chạy nhảy.

Tàn tật: Tình trạng người bệnh do bị khiếm khuyết, suy giảm chức năng nên không thực hiện được vai trò của mình trong xã hội mà người cùng tuổi, cùng giới, cùng hoàn cảnh và cùng công việc lại thực hiện được. Ví dụ như tình trạng bị cụt chân (khiếm khuyết) gây nên hạn chế trong việc đi lại, chạy nhảy (suy giảm chức năng), từ đó không đi làm được, phải sống dựa vào gia đình, không thực hiện được vai trò trong gia đình và CĐ (tàn tật).

Như vậy trong sự phân biệt trên thì khuyết tật được xem là sự suy giảm chức năng. Còn theo Tổ chức Quốc tế Người khuyết tật (DPI - Disabled People International) thì cho rằng người khuyết tật không phải là đối tượng của từ thiện hay lòng thương hại cũng không phải là người tiêu dùng của dịch vụ phục hồi chức năng hay y tế mà họ xứng đáng được đối xử bình đẳng và được tôn trọng vì con người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về quyền và nhân phẩm. Do đó họ đã chuyển định nghĩa về khuyết tật từ hạn chế cá nhân sang hạn chế của xã hội. Người khuyết tật trở thành người tàn tật là do thiếu cơ hội tham gia các hoạt động xã hội cũng như thiếu cơ hội để có một cuộc sống bình đẳng giống như các thành viên khác (Rachel Hurst, được trích lại từ Colin Barnes & Geof Mercer Rachel, 2005).

Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật khẳng định rằng:

Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, trí tuệ, thần kinh hoặc các giác quan mà khi tương tác với các rào cản khác nhau có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ trong xã hội trên cơ sở công bằng và bình đẳng như những người khác trong xã hội" (Điều 1, Công ước về Quyền của Người khuyết tật).

Năm 2010, Việt Nam ban hành Luật Người khuyết tật với định nghĩa về khuyết tật như sau:

Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn" (Khoản 1, Điều 2, Luật Người khuyết tật Việt Nam).

Với định nghĩa này khuyết tật phải đảm bảo hai điều kiện là có khiếm khuyết và khiếm khuyết ấy ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người khuyết tật. Cơ hội tham gia hoạt động xã hội của người khuyết tật và các rào cản xã hội chưa được đề cập trong Luật Người khuyết tật Việt Nam.

1.2. Hoà nhập người khuyết tật

Trong môi trường hòa nhập, các rào cản được xóa bỏ để đảm bảo rằng tất cả NKT đều có cơ hội bình đẳng và hoàn toàn có thể phát huy hết khả năng học tập

1.3. Công trình tiếp cận

Môi trường kiến trúc được tạo dựng mà người khuyết tật có thể đến và sử dụng các không gian chức năng trong công trình.

1.4. Tạo điều kiện hợp lý

Là sự thay đổi hoặc chỉnh sửa không gây ra gánh nặng không tương xứng hoặc quá đáng, khi điều đó là cần thiết trong một trường hợp cụ thể, để bảo đảm cho người khuyết tật hưởng hoặc thực hiện các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với những người khác;

Tạo điều kiện hợp lý liên quan đến điều chỉnh môi trường, chương trình học, hỗ trợ trang thiết bị để người khuyết tật có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình, cụ thể trong môi trường học tập, làm việc, và sinh hoạt hằng ngày.

Một số ví dụ minh hoạ:

- Điều chỉnh cách phản hồi: Cho phép học sinh khuyết tật đánh máy bài tập về nhà thay vì viết tay, hoặc nhờ người khác viết, hoặc trả lời câu hỏi vấn đáp.
- Điều chỉnh về cách trình bày: Học sinh khuyết tật có thể nghe bài giảng ghi âm hơn là đọc bài giảng trong sách, hoặc nhờ người khác đọc sách để nghe.
- Điều chỉnh môi trường: Học sinh khuyết tật có thể làm bài thi trong một căn phòng yên tĩnh hơn, hoặc được tạo điều kiện để có thể di chuyển giữa các lớp học dễ dàng, hoặc được bố trí chỗ ngồi thuận tiện.
- Điều chỉnh về lập kế hoạch: Học sinh khuyết tật được tăng thêm thời gian làm bài kiểm tra và bài thi.
- Bãi đậu xe thuận tiện: Đối với học sinh khuyết tật gặp khó khăn trong đi lại thì cho phép họ đậu xe gần cửa ra vào
- Thay đổi thiết bị: Đối với học sinh có thị lực kém thì nhà trường mua phần mềm phóng to màn hình máy tính để hỗ trợ đọc tài liệu.
- Bỏ qua một số môn học: Học sinh khuyết tật có thể được giảng dạy với ít thông tin hơn so với học sinh không khuyết tật, hoặc nhà trường có thể bỏ qua một số tài liệu xét thấy ít quan trọng hơn so với những môn học khác hoặc không thích hợp đối với học sinh khuyết tật.

- Đơn giản hoá các bài đọc: Học sinh khuyết tật có thể đọc các tài liệu tương tự như các bạn bè cùng lớp, nhưng với phiên bản đơn giản hơn.
- Bài tập ngắn hơn: Học sinh khuyết tật có thể làm bài tập về nhà ngắn hơn, hoặc làm bài thi ngắn hơn và tập trung hơn.
- Phương tiện hỗ trợ: Nếu học sinh khuyết tật có vấn đề về khả năng nhớ, có thể cung cấp một danh sách các từ vựng phù hợp nhằm giảm thiểu việc nhớ lại và tăng cơ hội đọc hiểu. Hoặc học sinh khuyết tật có thể sử dụng máy tính để tính toán trong khi các học sinh khác thì không được.
- Thêm thời gian: Học sinh khuyết tật có tốc độ xử lý thông tin thấp hơn có thể hưởng lợi từ việc tăng thêm thời gian đọc hiểu hoặc làm bài thi để có thể đủ thời gian hiểu các câu hỏi, gợi nhớ lại các thông tin và tổng hợp kiến thức.

2. Thực trạng và khó khăn NKT đối mặt trong học tập, việc làm

2.1. Thực trạng

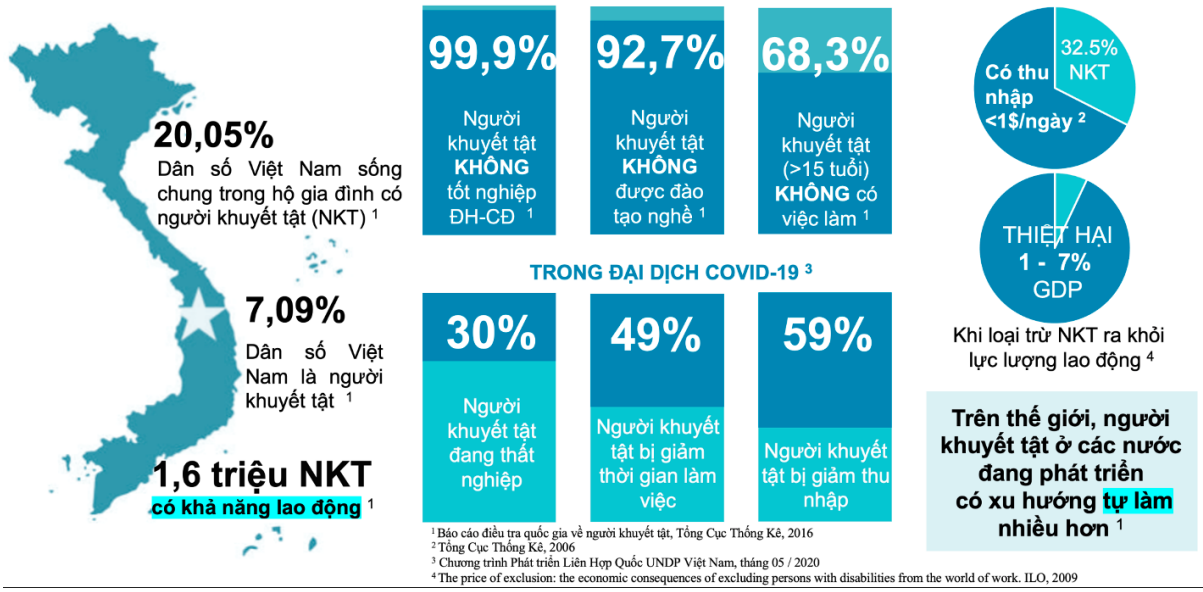

2.2. Khó khăn

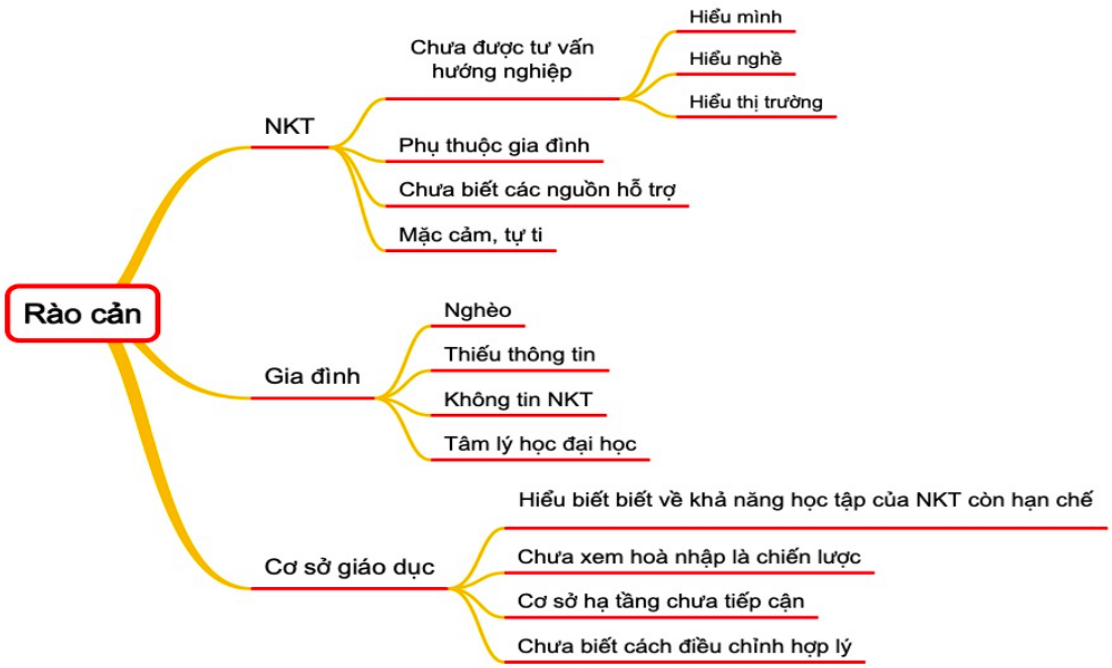

3. Các mô hình hỗ trợ NKT

Có nhiều mô hình hỗ trợ người khuyết tật, gọi tắt là mô hình khuyết tật, đã được phát triển trên thế giới dựa vào những quan niệm khác nhau về người khuyết tật. Mỗi một mô hình có những ưu và nhược điểm riêng, tuy nhiên ngày càng hướng đến việc thúc đẩy, tạo điều kiện nhằm đáp ứng nhu cầu bình đẳng và hòa nhập của người khuyết tật.

3.1. Mô hình từ thiện

Mô hình từ thiện quan niệm rằng người khuyết tật là nạn nhân của những khiếm khuyết. Hoàn cảnh của họ thật bi thảm, đáng thương và đau khổ. Do đó những người có khả năng có thể hỗ trợ họ bằng mọi cách có thể, do họ cần các dịch vụ đặc biệt, các trung tâm bảo trợ, các trường học hay mô hình nuôi dưỡng tập trung đặc thù bởi vì họ khác biệt đối với xã hội (Retief, M. & Letsosa, R., 2018).

Mô hình từ thiện hành động vì lợi ích của người khuyết tật, khuyến khích đối xử nhân đạo với người khuyết tật tuy nhiên nó chưa thúc đẩy vai trò của người khuyết tật hướng đến cuộc sống tự lập.

3.2. Mô hình y tế

Mô hình y tế xem người khuyết tật đơn thuần là bệnh nhân cần được điều trị và chăm sóc để trở thành người "bình thường". Mục tiêu của những can thiệp này là chữa trị, cải thiện tình trạng thể chất ở mức cao nhất có thể và phục hồi chức năng. Mô hình này hướng đến điều chỉnh người khuyết tật hơn là điều chỉnh môi trường xã hội trong đó người khuyết tật sinh sống (Retief, M. & Letsosa, R., 2018).

Ở mô hình này, vai trò của các bác sĩ, chuyên gia chữa trị và chăm sóc được đề cao hơn là nhu cầu bình đẳng và hòa nhập xã hội của người khuyết tật. Do đó những lựa chọn của người khuyết tật sẽ bị giới hạn và thay vào đó chúng bị ảnh hưởng bởi những lựa chọn của bác sĩ hay chuyên gia.

3.3. Mô hình xã hội

Mô hình xã hội quan niệm rằng người khuyết tật không chỉ phụ thuộc vào từng cá nhân mà còn phụ thuộc vào môi trường xã hội. Mô hình này giúp chúng ta nhận ra được những rào cản làm cho cuộc sống của người khuyết tật trở nên khó khăn hơn. Việc xóa bỏ những rào cản sẽ tạo ra sự bình đẳng và giúp người khuyết tật tự tin và sống tự lập hơn (Retief, M. & Letsosa, R., 2018).

Theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội & UNICEF (2016), "khuyết tật không còn bị coi là vấn đề của cá nhân nữa mà là vấn đề của xã hội xuất phát từ môi trường, thái độ, việc ban hành và thực hiện các chính sách xã hội".

Thái độ: Xã hội có thái độ kỳ thị, thiếu tôn trọng người khuyết tật, có những hành vi, lời nói gây tổn thương hoặc hạn chế quyền của người khuyết tật.

Môi trường xã hội: Môi trường sinh hoạt chưa thân thiện, thuận lợi với người khuyết tật dẫn đến việc họ khó hoặc không tiếp cận được các dịch vụ xã hội như khám chữa bệnh, giao thông công cộng, vui chơi giải trí.

Thể chế: Hệ thống chính sách chưa đồng bộ, thiếu hành lang pháp lý dẫn đến việc thực thi các chính sách liên quan đến người khuyết tật còn chậm và nhiều hạn chế.

3.4. Mô hình dựa vào quyền

Mô hình dựa vào quyền nhấn mạnh đến quyền con người. Tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng và tham gia ngang nhau trong xã hội. Người khuyết tật vẫn cần đến sự giúp đỡ của các bác sĩ, chuyên gia trị liệu và các địa chỉ hỗ trợ cụ thể. Tuy nhiên vẫn phải đảm bảo họ tiếp cận được tất cả các dịch vụ an sinh mà xã hội cung cấp như y tế, giáo dục, việc làm, giao thông, giải trí, … Xã hội cần phải xóa bỏ những rào cản vật lý và phi vật lý. Trong mô hình này thì luật pháp và chính sách cần được đưa ra và thực hiện để bảo đảm rằng "không ai bị bỏ lại phía sau".

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội & UNICEF (2016), người khuyết tật thường phải đối mặt với việc không được công nhận về quyền giáo dục và làm việc. Vì thế luật và chính sách cần đảm bảo xóa các rào cản như vậy đối với người khuyết tật. Mô hình dựa trên quyền cho thấy các hỗ trợ cho người khuyết tật không phải là kết quả của tình thương hay lòng nhân ái, mà đó là sự thực thi quyền cơ bản mà bất cứ một công dân nào cũng có.

Mô hình dựa trên quyền nhấn mạnh đến việc trao quyền tự quyết và tinh thần trách nhiệm. Sự trao quyền tự quyết ccho người khuyết tật sẽ thúc đẩy sự tham gia chủ động của người khuyết tật vào tiến trình giúp đỡ chính họ. Tinh thần trách nhiệm thuộc về các bên liên quan nhằm tạo điều kiện tối đa cho người khuyết tật thực hiện các quyền của mình, bảo đảm chất lượng và số lượng các quyền đươc thực hiện.

Những mô hình khuyết tật được mô tả trên đây không phải là những mô hình khuyết tật duy nhất nhưng chúng là những mô hình khuyết tật chiếm ưu thế nhất hiện nay. Việc am hiểu mô hình khuyết tật và thừa nhận quyền con người giúp chúng ta biết cách thúc đẩy và xây dựng xã hội dành cho tất cả mọi người.

4. Hệ thống chính sách liên quan đến giáo dục hoà nhập

Luật người khuyết tật năm 2010 Chương IV. Giáo dục Chương V. Dạy nghề và việc làm Tham khảo đầy đủ tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-nguoi-khuyet-tat-2010-108081.aspx	**Điều 28.** Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật. **Điều 29.** Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên hỗ trợ giáo dục 1. Được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu giáo dục người khuyết tật. 2. Được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ. **Điều 30.** Trách nhiệm của cơ sở giáo dục 1. Bảo đảm các điều kiện dạy và học phù hợp đối với người khuyết tật, không được từ chối tiếp nhận người khuyết tật nhập học trái với quy định của pháp luật. 2. Thực hiện việc cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất dạy và học chưa bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật. **Điều 31. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập** Cung cấp nội dung chương trình, thiết bị, tài liệu dạy và học đặc thù phù hợp với từng dạng tật, mức độ khuyết tật **Điều 32. Dạy nghề đối với người khuyết tật** 1. Nhà nước bảo đảm để người khuyết tật được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác. 3. Cơ sở dạy nghề tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật phải bảo đảm điều kiện dạy nghề cho người khuyết tật và được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật. 4. Người khuyết tật học nghề, giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.
Luật giáo dục 2019 Tham khảo đầy đủ tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx	**Điều 15. Giáo dục hòa nhập** 1. Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử. 2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ thực hiện

	giáo dục hòa nhập người học là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Thông tư Số: 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hoà nhập đối với NKT Tham khảo đầy đủ tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-03-2018-TT-BGDDT-quy-dinh-ve-giao-duc-hoa-nhap-doi-voi-nguoi-khuyet-tat-376274.aspx	Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập 1. Phát hiện, huy động và tiếp nhận người khuyết tật học tập tại cơ sở giáo dục. 2. Sắp xếp, bố trí các lớp học phù hợp với người khuyết tật; đảm bảo mỗi lớp học hòa nhập có không quá 02 (hai) người khuyết tật. Trường hợp đặc biệt, thủ trưởng cơ sở giáo dục căn cứ vào Điều kiện thực tế có thể sắp xếp, bố trí thêm người khuyết tật trong một lớp học để đảm bảo cho những người khuyết tật có nhu cầu học hòa nhập đều được đi học. 3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập; tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp nhu cầu và khả năng của người khuyết tật. 4. Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện, đảm bảo người khuyết tật được tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác và được tham gia bình đẳng trong mọi hoạt động giáo dục. 5. Phối hợp với gia đình, cộng đồng, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện giáo dục hòa nhập. 6. Hỗ trợ thực hiện các hoạt động can thiệp sớm và phát triển kỹ năng cơ bản cho người khuyết tật để hòa nhập cộng đồng. 7. Cung cấp thông tin về giáo dục của người khuyết tật đang học hòa nhập tại cơ sở giáo dục cho hội đồng xác định mức độ khuyết tật của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã). 8. Phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng nhiệm vụ giáo dục hòa nhập. 9. Huy động nhân lực hỗ trợ giáo dục hòa nhập và sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập theo quy định của pháp luật. **Điều 6.** Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và các hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục 1. Căn cứ vào Điều kiện của cơ sở giáo dục và

	nhu cầu hỗ trợ của người khuyết tật học hòa nhập, cơ sở giáo dục bố trí phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập để thực hiện hoạt động hỗ trợ người khuyết tật học hòa nhập. 2. Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập có thiết bị hỗ trợ đặc thù, học liệu, công cụ xác định mức độ phát triển cá nhân của người khuyết tật để tổ chức các hoạt động nhằm phát triển khả năng của người khuyết tật. 3. Các hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập: a) Hỗ trợ người khuyết tật bổ sung kiến thức, phát triển kỹ năng đặc thù để học hòa nhập có hiệu quả; b) Tư vấn, hỗ trợ các biện pháp, kỹ năng giáo dục hòa nhập cho giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và gia đình người khuyết tật; c) Tư vấn dịch vụ hỗ trợ giáo dục hòa nhập và định hướng nghề nghiệp cho người khuyết tật. 4. Cơ sở giáo dục phối hợp với trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động hỗ trợ người khuyết tật tại phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập đạt hiệu quả. Điều 7. Vai trò, trách nhiệm của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trong việc phối hợp với cơ sở giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập 1. Hỗ trợ phát hiện khuyết tật, lập kế hoạch và thực hiện giáo dục hòa nhập. 2. Hỗ trợ chuyên môn về chăm sóc, giáo dục hòa nhập cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục. 3. Hỗ trợ, tư vấn về chăm sóc, giáo dục người khuyết tật cho gia đình người khuyết tật. **Điều 9. Kế hoạch giáo dục cá nhân** 1. Mỗi người khuyết tật học hòa nhập có kế hoạch giáo dục cá nhân. 2. Kế hoạch giáo dục cá nhân do giáo viên, giảng viên phối hợp với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, gia đình người khuyết tật xây dựng trên cơ sở khả năng và nhu cầu của người khuyết tật, Chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học phù hợp với Điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. 3. Kế hoạch giáo dục cá nhân bao gồm các thông tin về: khả năng, nhu cầu; các đặc điểm

	cá nhân; Mục tiêu năm học và Mục tiêu học kỳ; thời gian, nội dung, biện pháp và người thực hiện; kết quả đánh giá và Điều chỉnh sau đánh giá đối với người học.
Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 nghị định quy định về chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với nhà giáo dạy cho người khuyết tật Tham khảo đầy đủ tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-113-2015-ND-CP-phu-cap-dac-thu-trach-nhiem-cong-viec-nguy-hiem-nha-giao-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-295144.aspx	**Điều 7:** quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giáo viên dạy học sinh khuyết tật được hưởng phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng **QCVN 10:2014/BXD** Tham khảo đầy đủ tại: https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Xay-dung/QCVN-10-2014-BXD-Xay-dung-cong-trinh-dam-bao-nguoi-khuyet-tat-tiep-can-su-dung-912606.aspx	Quy định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc phải tuân thủ khi xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình xây dựng để đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng

5. Tầm quan trọng của hoà nhập NKT

5.1. Đối với NKT

Tự tin, cảm thấy được tôn trọng, lắng nghe và có giá trị, và phát triển khả năng của bản thân.

5.2. Cơ sở giáo dục:

Tuân thủ luật pháp và đáp ứng xu thế toàn cầu
Tăng giá trị thương hiệu, lợi thế cạnh tranh
Đa dạng nguồn học viên
Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo
Xây dựng giá trị nhân văn và tạo tác động xã hội

6. Các dạng khuyết tật và tạo điều kiện thích hợp

Theo Nghị định số 28/2012/NĐP của Chính phủ, có 6 dạng khuyết tật cơ bản như sau:

Dạng tật và khó khăn	Tạo điều kiện hợp lý
Khuyết tật vận động là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.	Cải tạo tiếp cận Điều chỉnh hình thức đánh giá cho người yếu tay, phát âm khó
Khuyết tật nghe, nói là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.	Ngôn ngữ ký hiệu Phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu Máy trợ thính
Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.	Điều chỉnh tiếp cận Chữ nổi, phần mềm Jaw Sách nói Phần mềm/thiết bị phóng to
Khuyết tật thần kinh, tâm thần là tình trạng rối loạn tri giác, trí nhớ, cảm xúc, kiểm soát hành vi, suy nghĩ và có biểu hiện với những lời nói, hành động bất thường.	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập
Khuyết tật trí tuệ là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhận thức, tư duy biểu hiện bằng việc chậm hoặc không thể suy nghĩ, phân tích về sự vật, hiện tượng, giải quyết sự việc.	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập
Khuyết tật khác là tình trạng giảm hoặc mất những chức năng cơ thể khiến cho hoạt động lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn mà không thuộc các trường hợp được quy định ở năm mục trên.	

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

[1]. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, UNICEF (2016). Công tác xã hội với người khuyết tật. Cục Bảo trợ xã hội.

[2]. Chính phủ (2012). Nghị định số 28/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

[3]. Liên Hiệp Quốc (2006). Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật.

[4]. Quốc hội (2010). Luật Người khuyết tật.

Tài liệu tham khảo tiếng Anh

[5]. Amanda Morin (2014). Common Accomodations and Modifications in School. Tham khảo từ trang Web: https://www.understood.org/en/learning-attention-issues/treatments-approaches/educational-strategies/common-classroom-accommodations-and-modifications (tháng 07/2019).

[6]. Colin Barnes & Geof Mercer Rachel edited (2005). The Social Models of Disability: Europe and the Majority World. The Disability Press. University of Leeds.

[7]. Retief, M. & Letsosa, R. (2018), Models of disability: A brief overview, HTS Teologiese Studies/ Theological Studies 74(1), DOI 10.4102/hts.v74i1.4738.